

Bản án số: 88/2026/HNGĐ – ST
Ngày 12/8/2026
V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- ông Trần Quốc Bình.

- ông Lù Văn Mẫn.

Thư ký phiên tòa: ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 -Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Sơn La tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Bằng Phi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2026/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc Xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2026/QĐXXST – HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân gia đình số 413/TB – TA, ngày 06/8/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị L Th K Th, sinh năm 2002; Địa chỉ: bản X, phường Y, tỉnh Sơn La; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Q Th H, sinh năm 1996. Địa chỉ: bản X, phường Y, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, các ý kiến trình bày có trong hồ sơ nguyên đơn chị L Th K Th trình bày: Chị L Th K Th và anh Q Th H kết hôn với nhau vào ngày 02/12/2020 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép

buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Chiềng An, tỉnh Sơn La.

Qua quá trình chung sống cả hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian khoảng 05 tháng thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, tích cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa và anh H mắc vào tệ nạn xã hội. Chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản Cọ, phường Chiềng An sinh sống được hơn 05 năm nay. Đến nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh Q Th H

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Q Đ D, sinh ngày 04/4/2021, nếu ly hôn thì chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị L Th K Th không yêu cầu anh Q Th H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại ý kiến của anh Q Th H có trong hồ sơ thể hiện:

- Anh H và chị Th cưới nhau hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chiềng An. Sau khi kết hôn được một thời gian thì chị Th để lại con cho bên nội và bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, không chăm nom con. Đến nay chị Th có đơn gửi đến Tòa án để giải quyết ly hôn thì anh H cũng nhất trí ly hôn chị Th

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Quảng Đức Duy, sinh ngày 04/4/2021, nhưng chị Th không nuôi con chung từ nhỏ, để lại con cho tôi và bố mẹ tôi nuôi từ bé đến nay. Anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức Duy đến tuổi trưởng thành và không không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản xác minh chính quyền bản Hẹo, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La thể hiện: L Th K Th và Q Th H là vợ chồng, sau khi cưới theo phong tục thì hai vợ chồng về chung sống với bố mẹ chồng ở bản Hẹo, phường Tô Hiệu.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị cũng thấy phản ánh đến chính quyền địa phương về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Do anh H là đối tượng nghiện ma túy được nhà nước đưa đi cai nghiện hai năm từ năm 2021 đến 2023, sau khi anh H đi cai nghiện thì chị Th cũng bỏ nhà chồng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Năm 2023 anh H đi cai nghiện về thì anh chị cũng không còn chung sống với nhau.

Về con chung thì anh chị có một con trai, hiện vẫn đang ở cùng với anh H cùng ông bà nội từ năm 2021 đến nay.

Về tài sản chung của anh chị tại bản Hợ, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La là không có vì anh chị chung sống với bố mẹ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Bản tự khai chị Th; Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú; Căn cước công dân của các đương sự (bản sao); Giấy khai sinh cháu D (bản sao); Đơn xin không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt của chị Th; Đơn trình bày ý kiến của anh H.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Biên bản ghi ý kiến cháu Khôi; Biên bản xác minh chính quyền bản Hợ, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không thống nhất được về quyền nuôi con chung và cả hai anh chị đều xin xét xử vắng mặt, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tham gia phiên tòa của đương sự được thực hiện đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58; điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L Th K Th.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị L Th K Th được ly hôn anh Q Th H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Quàng Đức Duy, sinh ngày 04/4/2021 cho anh Q Th H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chấp nhận yêu cầu của anh H về việc chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng và nợ chung: Không có.

Về án phí: chị L Th K Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị L Th K Th và anh Q Th H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, có hộ khẩu, sinh sống tại bản Hẹo phường Tô Hiệu và bản Cọ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có đơn giải quyết về xin ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho các bên đương sự, nguyên đơn chị L Th K Th có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, căn cứ điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn chị Th và bị đơn anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Th và bị đơn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị L Th K Th và anh Q Th H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chiềng An, tỉnh Sơn La vào ngày 02/12/2020 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp vợ chồng, một phần do anh H nghiện ma túy và phải đi cai nghiện với thời hạn 02 năm, anh chị không tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau nữa. Chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ từ năm 2021 đến nay, hiện anh chị đều đang ly thân và không ai quan tâm đến nhau nữa.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong hồ sơ thể hiện chị Th kiên quyết xin ly hôn anh H vì không còn tình cảm vợ chồng. Tại ý kiến có trong hồ sơ thể hiện anh H cũng nhất trí ly hôn chị Th.

Xét thấy: Tòa án sau khi thụ lý hồ sơ về việc xin ly hôn đã động viên, khuyên giải chị Th, thuyết phục để vợ chồng anh chị đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái, tiếp tục cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng chị Th và anh H vẫn đề nghị được ly hôn.

Nhận thấy mâu thuẫn tình cảm của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Quàng Đức Duy, sinh ngày 04/4/2021, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Duy đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và đều không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Cả hai anh chị đều là người trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân và con cái, nguyện vọng xin được quyền nuôi con của hai anh chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện khi anh H đi cai nghiện ma túy từ năm 2021 thì chị Th đã để lại con cho bố mẹ chồng nuôi dưỡng để đi về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau khi anh H đi cai nghiện về năm 2023 thì anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con và cùng sinh sống với bố mẹ đẻ của anh H tại bản Hẹo đến nay. Cháu Duy hiện đang sinh sống, học tập ổn định tại bản Hẹo, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La, để bảo đảm sự ổn định việc sinh hoạt, học tập cho cháu Duy cũng như bảo đảm quyền lợi cho cháu nên cần giao cháu Quảng Đức Duy cho anh Q Th H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại ý kiến của anh H có trong hồ sơ thể hiện anh không có yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Do các anh H không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên trong trường hợp anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung nếu có khó khăn về kinh tế hoặc muốn yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì anh H có quyền tự thỏa thuận với chị Th hoặc có quyền khởi kiện tại Tòa án thành một vụ án khác về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ cũng như ý kiến của chị Th và anh H thì anh chị không có tài sản chung cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản riêng và nợ chung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh chị không có tài sản riêng và không có nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp anh chị có khoản nợ chung liên quan đến bên thứ ba thì chị Th, anh H hoặc bên thứ ba có quyền khởi kiện tại Tòa án thành một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị L Th K Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị L Th K Th được ly hôn anh Q Th H.

2. *Về con chung*:

- Giao cháu Quàng Đức Duy, sinh ngày 04/4/2021 cho anh Q Th H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Chị L Th K Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. *Về tài sản chung*: Không có, không xem xét giải quyết.

4. *Về tài sản riêng*: Không có.

5. *Về nợ chung*: Không có.

6. *Về án phí*: Chị L Th K Th phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu, số 0000677, ngày 16/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

7. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Nguyên đơn chị L Th K Th, bị đơn anh Q Th H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND KV 1 - Sơn La;
- Phòng THADS KV 1 - Sơn La;
- UBND P Chiềng An, tỉnh Sơn La;
(nơi đăng ký kết hôn).
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Lương Anh